

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2024/NQ-HĐQT ngày
03/04/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tài liệu căn cứ

1. Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết và thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.
6. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
7. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
8. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 về việc hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
9. Các văn bản pháp luật khác liên quan và các quy chế công bố thông tin được ban hành bởi các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Mục đích

Quy chế Công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được ban hành với mục đích đáp ứng các quy định của pháp luật, chuẩn mực công bố thông tin đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật cho các phòng/ban liên quan trong Công ty, nhà đầu tư, các đối tượng liên quan.

Quy chế này cũng nhằm nâng cao hiệu quả làm việc giữa Công ty và các nhà đầu tư

khai thác và phát triển các mối quan hệ này nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của các Phòng/Ban chuyên môn, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người thực hiện công bố thông tin;
- b) Người Nội Bộ của Công ty và Người Có liên Quan Của Người Nội Bộ;
- c) Trưởng, Phó các Phòng/Ban chuyên môn;
- d) Cổ đông;
- e) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- f) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 4. Thuật ngữ, định nghĩa

1. “**Công ty**”/ “**Taseco Land**”/ “**Tổ Chức Phát Hành**”/ “**TCPH**”/ “**Công ty Đại chúng**”/ là Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.

2. “**Phòng/Ban chuyên môn**” là các Phòng/Ban do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.

3. “**Cổ Phiếu**” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

4. “**Cổ Đông Lớn**”/“**CĐL**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số Cổ Phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành.

5. “**Người Nội Bộ**” là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty và các chức danh do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

6. “**Người Có Liên Quan**”/“**NLQ**” là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2020.

7. “**Công Ty Đại Chúng Quy Mô Lớn**” là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

8. “**Ngày Đến Hạn CBTT**” là ngày cuối cùng phải thực hiện CBTT đến VSDC, UBCNKK và SGDCK theo quy định.

9. “**Tỷ Lệ Sở Hữu Nước Ngoài**” là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần tính trên vốn điều lệ

của tất các nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong CTĐC.

10. “**Định Kỳ**” là sự kiện xảy ra định kỳ bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

11. “**Bất thường**” là sự kiện xảy ra bất thường bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

BẢNG THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Định nghĩa/Diễn giải
1	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
2	SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam tổ chức, vận hành
3	VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
4	CBTT	Công bố thông tin
5	IDS	Hệ thống CBTT của UBCKNN
6	CIMS	Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
7	ECM	Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX/HOSE)
8	CTĐC	Công ty Đại chúng
9	Người có thẩm quyền	Là Chủ tịch Hội đồng quản trị/TGĐ và người có thẩm quyền khác được xác định theo Điều lệ Công ty ký tên trên các văn bản/tài liệu cần CBTT
10	TGĐ	Tổng Giám đốc
11	PTGD	Phó Tổng Giám đốc <u>phụ trách</u>
12	NUQCBTT	Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin
13	NNB	Người Nội Bộ và Người Có Liên Quan Của Người Nội Bộ

Điều 5. Nguyên tắc CBTT

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung CBTT. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã

công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

4. Ngôn ngữ chính thực hiện CBTT là tiếng Việt, trừ trường hợp thực hiện CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ CBTT vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Người thực hiện CBTT

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là NUQCBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do NUQCBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và NUQCBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 7. Phương tiện CBTT

1. Phương tiện CBTT bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 8. Tạm hoãn CBTT

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...) và phải báo cáo UBCKNN, SGDCCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa/tạm hoãn công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính ("BCTC") bao gồm: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất		
1.1	- BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán. - Các văn bản giải trình trong các trường hợp sau: • Lợi nhuận sau thuế ("LNST") thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước. • LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc lãi kỳ trước nhưng lỗ kỳ này hoặc ngược lại. • LNST có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. - Văn bản giải trình trong trường hợp ý kiến kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 Bảng này.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có). Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 Bảng này.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
2	Báo cáo thường niên (“BCTN”)		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.
3	Báo cáo tình hình quản trị Công ty		
	Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	
4	Thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên		
4.1	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	- Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). - Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4.2	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

1. Các trường hợp cần CBTT

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
	có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.		
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.		
10.1	Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
10.2	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	
10.3	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	Cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	Căn cứ vào BCTC hợp nhất.
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
16	Trường hợp công ty nhận biết được	Trong thời hạn 24	

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
	sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
19	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		
19.1	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.
19.2	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
			thảo nghị quyết.
20	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.		
20.1	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	
20.2	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	
21	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC.	Trong thời hạn CBTT BCTC theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.	
22	Trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
23	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	
24	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	Căn cứ vào BCTC hợp nhất.
25	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.	

2. Khi công bố thông tin đối với các trường hợp số thứ tự 01 đến đến số thứ tự 18 tại Bảng quy định tại mục 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của dự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.		

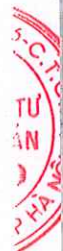
Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của bình mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 13. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCPH		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Công ty cần CBTT lên website chính thức của Công ty trong thời hạn 03

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
	báo cáo về giao dịch cho công ty đại chúng, UBCKNN và SGDCK.		ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại mục này.
1.2	Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty đại chúng, UBCKNN và SGDCK.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	
2	Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty.	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho UBCKNN và SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Công ty đại chúng.	
		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo UBCKNN và SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký.	
		Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập.	CBTT lên website chính thức của Công ty.
3	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán.	Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt



STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch.	Đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
		Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan, Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	
2	Hội đồng quản trị Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Hội đồng quản trị Công ty. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác, Hội đồng quản trị phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	

**CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của người thực hiện CBTT

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình CBTT.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT và thực hiện CBTT đến các tổ chức, cá nhân cần thiết

theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện CBTT.

Điều 16. Trách nhiệm của các Phòng/Ban chuyên môn

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế CBTT.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của người thực hiện CBTT.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho người thực hiện CBTT.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân cán bộ nhân viên vi phạm Quy chế này, các quy định của Nhà nước và pháp luật về công tác CBTT tùy theo tính chất, mức độ sẽ phải xử lý kỷ luật, xử lý phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 18 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/4/2024.
2. Quy chế này có thể sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. ✓



Nguyễn Trần Tùng